

Bản án số: 171/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/02/2018

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

- Các hội thẩm nhân dân : 1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
2. Ông Lê Văn Mút

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số 25/4, ấp TH, thị trấn TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị K, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 25/4, ấp TH, thị trấn TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị K cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/9/2012, trong thời gian sống chung có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/01/2014. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và hiện nay đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh yêu cầu về hôn nhân xin được ly hôn với chị K; về con chung đồng ý để chị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/01/2014 và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 (Một triệu) đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị K vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 02/10/2017 và trong quá trình tố tụng - chị K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/9/2012, trong thời gian sống chung có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/01/2014. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó do khó khăn về kinh tế nên xảy ra mâu thuẫn, không nhường nhịn nhau có lần anh T đánh đập chị nhưng đã tự giàn xếp xong. Hiện nay chị và anh T đã ly thân nhưng chị nhận thấy có thể hàn gắn được nên về hôn nhân chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, còn nếu yêu cầu xin ly hôn của anh T được Tòa án xem xét chấp nhận thì về con chung: chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/01/2014 và đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, chị K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS nhưng đối với bị đơn Nguyễn Thị K còn vi phạm không chấp hành theo giấy triệu tập tham gia phiên tòa đã gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên để chị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/01/2014, anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị K, do bị đơn đang đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại huyện P nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, còn chị Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn không đến, việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị K.

[3] Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị K cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P vào năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị K thì được địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Xác định anh T và chị K đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở phù hợp tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho anh T được ly hôn với chị K.

[4] Xét về con chung: Anh T và chị K đều thống nhất để chị K được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/01/2014 và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Do các bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Về án phí cấp dưỡng: Anh T phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị K. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Quốc T1 – sinh ngày 16/01/2014 và anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012033 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND thị trấn TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Hồ Thị Triết

